

BẢN TIN TUẦN 11

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

(ngày lấy mẫu 14-15/04/2023)

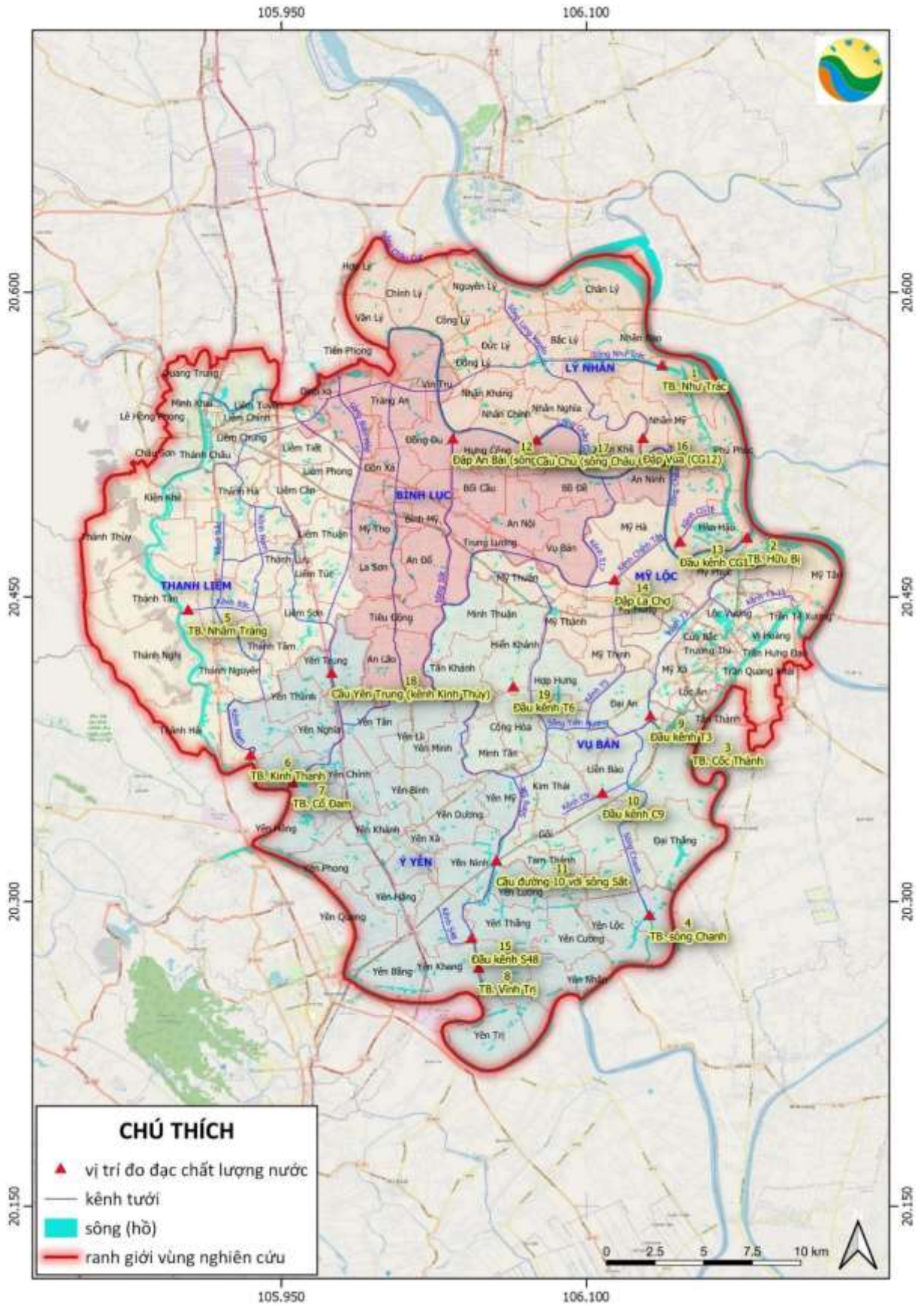
I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 12 đến ngày 18/04/2023

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cỏ Đam		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành
10	Đầu kênh C9	Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.

TT	Tên vị trí lấy mẫu	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí lấy mẫu
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
13	Đầu kênh CG16		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu
14	Đập La Chợ		Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đầu kênh S48	Kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2023



2. Thông tin lúc giám sát

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
1	1	Cống Như Trác	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Nước màu vàng đục.	Dòng chảy chậm, cống mở lấy nước tưới. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới.
2	2	Cống Hữu Bị	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Nước màu vàng đục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang lấy nước tưới.
3	3	Cống Thành Cốc	Trời mưa phùn, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB 11 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng.
4	4	Cống sông Chanh	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 100%, gió ĐB 13 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy vừa, cống mở đang tiêu nước ra sông.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Trời mưa phùn, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 94%, gió ĐB 25 km/h. Nước màu vàng đục.	Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
6	6	Cống Kinh Thanh	Trời mưa phùn, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 85%, gió TB 24 km/h. Thượng lưu cống có nhiều bèo. Nước màu vàng đục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
7	7	Cống Đam Cỏ	Trời mưa phùn, nhiệt độ 29°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 86%, gió TB 26 km/h. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Trên mặt nước có bèo trôi. Nước màu vàng đục.	Dòng chảy vừa, cống mở tiêu nước ra sông.
9	9	Đầu kênh T3	Trời mưa phùn, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 96%, mật độ mây 100%, gió TB 11 km/h. Hai bên bờ kênh có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng về phía Cốc Thành.
10	10	Đầu kênh C9	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Kênh nhận nước thải từ KCN Bảo	Dòng chảy chậm, hướng ra ngã ba sông Chanh.

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm vị trí	Vận hành công trình
			Minh. Nước màu vàng lục.	
11	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy vừa từ An Bài về.
12	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Thượng lưu đập có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao hơn sông Sắt.
13	13	Đầu kênh CG16	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Mực nước thấp. Nước màu vàng đục.	Không có dòng chảy, cống đóng.
14	14	Đập La Chợ	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Nước màu vàng đục.	Dòng chảy vừa hướng ra ngã ba sông Tiên Hương.
15	15	Đầu kênh S48	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Trên mặt kênh có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng ra sông Sắt.
16	16	Đập Vùa (CG12)	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Đập đóng. Chân đập có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	Không có dòng chảy.
17	17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời mưa phùn, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió ĐB 15 km/h. Thượng lưu cầu có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm từ hướng Hữu Bị về.
18	18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời mưa phùn, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 82%, gió TB 24 km/h. Trên kênh có nhiều bèo. Nước màu xanh xám.	Dòng chảy chậm về phía Cổ Đàm.
19	19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Nước màu vàng lục.	Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba Sông Chanh.
20	20	Đầu kênh T6	Trời mưa phùn, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 93%, mật độ mây 100%, gió ĐB 12 km/h. Hai bên bờ kênh có bèo. Nước màu vàng đục.	Không có dòng chảy, nước đứng.

3. Kết quả đo đạc

Số liệu sẽ so sánh với đợt giám sát trước đó (Đ2T3 năm 2023) và cùng kỳ năm ngoái (Đ1T4 năm 2022).

a. Chỉ tiêu DO

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T4/2023	Đ2T3/2023	Đ1T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	6,630	7,100	5,910	6,547
2	Cống Hữu Bị	7,300	6,520	5,860	6,560
3	Cống Cốc Thành	6,510	5,100	5,460	5,690
4	Cống sông Chanh	5,070	5,400	5,490	5,320
5	Cống Nhâm Tràng	4,320	5,250	5,590	5,053
6	Cống Kinh Thanh	4,200	5,570	4,810	4,860
7	Cống Cổ Đam	5,820	5,400	5,360	5,527
8	Cống Vĩnh Trị	4,850	5,740	4,230	4,940
9	Đầu kênh T3	5,270	5,930	4,910	5,370
10	Đầu kênh C9	4,620	5,590	5,720	5,310
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	4,210	5,790	4,670	4,890
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	4,470	4,600	5,420	4,830
13	Đầu kênh CG16	4,810	3,100		
14	Đập La Chợ	4,180	6,400	5,210	5,263
15	Đầu kênh S48	4,160	3,680	4,780	4,207
16	Đập Vua (CG12)	5,090	4,910	5,900	5,300
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	4,300	4,500	5,060	4,620
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,760	4,560	5,270	4,863
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,180	5,510	5,430	5,373
20	Đầu kênh T6	4,280	5,700	5,850	5,277
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		≥4	≥4	≥4	≥4

b. Chỉ tiêu NO₃⁻

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T4/2023	Đ2T3/2023	Đ1T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	0,025	0,059	1,526	0,537
2	Cống Hữu Bị	0,252	0,241	2,565	1,019
3	Cống Cốc Thành	1,834	1,935	1,778	1,849
4	Cống sông Chanh	1,510	1,440	2,000	1,650
5	Cống Nhâm Tràng	0,938	0,963	1,483	1,128
6	Cống Kinh Thanh	0,932	0,986	1,292	1,070
7	Cống Cổ Đam	0,756	0,711	1,879	1,115
8	Cống Vĩnh Trị	0,297	0,360	1,859	0,839
9	Đầu kênh T3	0,965	1,058	1,935	1,319
10	Đầu kênh C9	7,808	6,959	5,153	6,640
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	1,755	1,710	2,108	1,858
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	1,393	1,395	2,147	1,645
13	Đầu kênh CG16	4,275	2,858		
14	Đập La Chợ	0,092	0,158	1,503	0,584
15	Đầu kênh S48	3,985	3,938	1,553	3,159
16	Đập Vùa (CG12)	0,317	0,248	1,193	0,586
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,535	3,645	2,228	3,136
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1,634	1,609	1,683	1,642
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,085	4,883	7,785	5,918
20	Đầu kênh T6	1,422	1,373	1,834	1,543
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		10	10	10	10

c. Chỉ tiêu BOD₅

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T4/2023	Đ2T3/2023	Đ1T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	10,500	9,200	19,500	13,067
2	Cống Hữu Bị	11,600	13,500	26,800	17,300
3	Cống Cốc Thành	13,900	17,500	25,900	19,100
4	Cống sông Chanh	17,700	20,400	32,500	23,533
5	Cống Nhâm Tràng	20,500	15,800	18,400	18,233
6	Cống Kinh Thanh	23,700	21,500	23,900	23,033
7	Cống Cổ Đam	21,700	21,700	17,700	20,367
8	Cống Vĩnh Trị	21,900	18,500	19,300	19,900
9	Đầu kênh T3	18,900	23,500	26,800	23,067
10	Đầu kênh C9	24,600	25,900	27,900	26,133
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	25,400	21,900	15,700	21,000
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	27,900	28,900	20,700	25,833
13	Đầu kênh CG16	32,900	36,800		
14	Đập La Chợ	20,300	14,700	23,500	19,500
15	Đầu kênh S48	30,800	37,900	28,700	32,467
16	Đập Vùa (CG12)	25,600	26,500	27,800	26,633
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	30,500	26,900	32,500	29,967
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	26,700	26,800	21,300	24,933
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	27,800	24,500	19,300	23,867
20	Đầu kênh T6	23,700	21,900	23,500	23,033
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		15	15	15	15

d. Chỉ tiêu NH₄⁺

TT	Tên vị trí giám sát	Đ1T4/2023	Đ2T3/2023	Đ1T4/2022	Trung bình
1	Cống Như Trác	0,500	0,090	0,218	0,269
2	Cống Hữu Bị	0,315	0,205	0,715	0,412
3	Cống Cốc Thành	0,185	1,225	0,420	0,610
4	Cống sông Chanh	0,160	0,625	0,474	0,420
5	Cống Nhâm Tràng	0,173	0,163	0,124	0,153
6	Cống Kinh Thanh	0,160	0,115	0,272	0,182
7	Cống Cổ Đam	1,135	0,785	0,241	0,720
8	Cống Vĩnh Trị	1,273	0,370	0,365	0,669
9	Đầu kênh T3	0,403	1,748	0,412	0,854
10	Đầu kênh C9	1,868	1,523	0,536	1,309
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	3,020	0,530	0,404	1,318
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	3,055	1,663	0,357	1,692
13	Đầu kênh CG16	7,598	4,023		
14	Đập La Chợ	2,568	1,600	0,326	1,498
15	Đầu kênh S48	2,093	1,898	0,847	1,612
16	Đập Vùa (CG12)	2,205	1,150	0,117	1,157
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,778	2,835	0,435	1,683
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	2,128	1,878	0,326	1,444
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	1,250	1,078	0,559	0,962
20	Đầu kênh T6	2,773	0,748	0,676	1,399
Giới hạn B1 QCVN 08-MT: 2015/BTNMT		0,9	0,9	0,9	0,9

Chỉ tiêu DO đợt 1 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

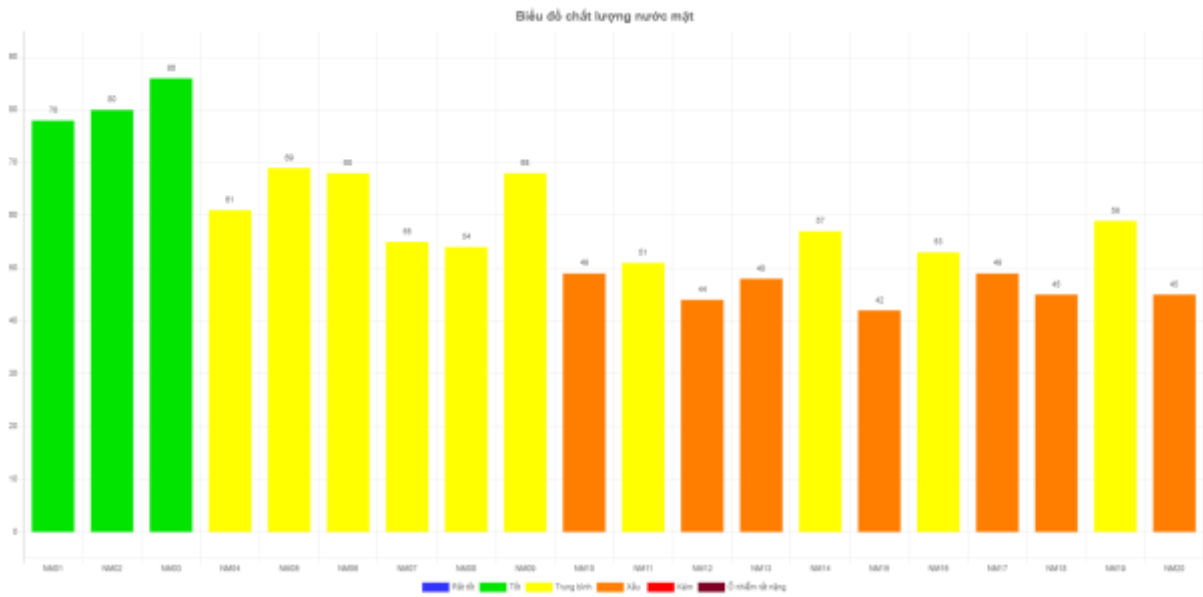
Chỉ tiêu NO₃⁻ đợt 1 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái. Các vị trí đều đạt tiêu chuẩn để cấp cho thủy lợi.

Chỉ tiêu BOD₅ đợt 1 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

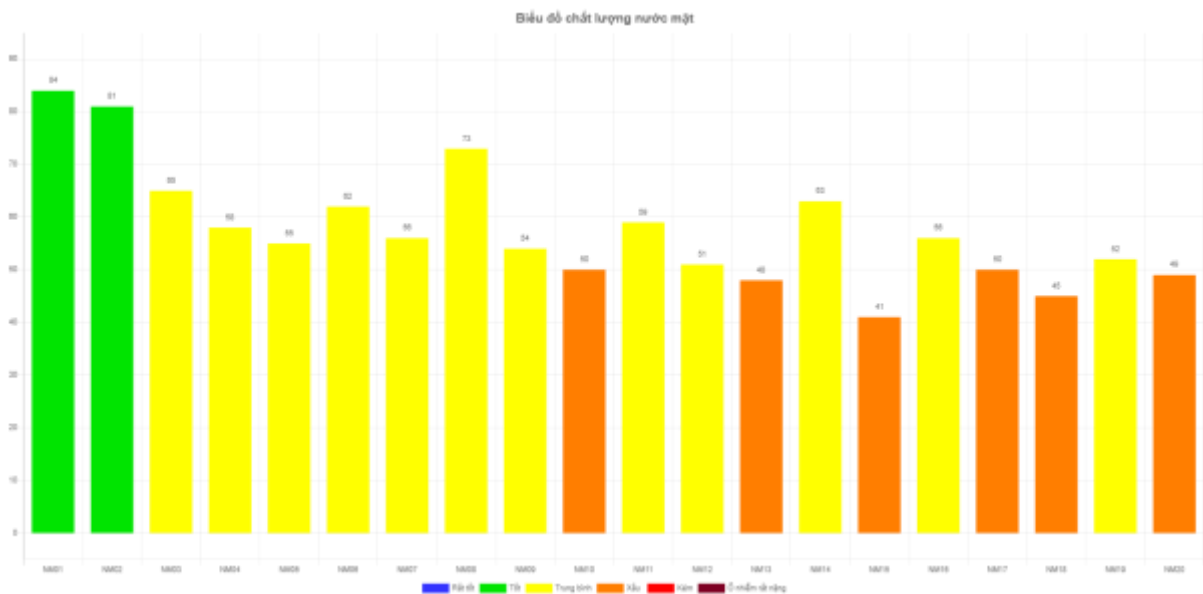
Chỉ tiêu NH₄⁺ đợt 1 tháng 4 năm 2023 tăng giảm tùy từng vị trí so với đợt đo trước đó và cùng kỳ năm ngoái.

4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Bản đồ giá trị WQI của đợt 1 tháng 4 năm 2023



Bản đồ giá trị WQI của đợt 2 tháng 3 năm 2023



Kết quả tính toán WQI vào đợt 1 tháng 4 năm 2023 tại 20 vị trí khảo sát có thể thấy chất lượng nước Đ1T4 năm 2023 kém hơn so với thời điểm khảo sát trước đó vào Đ2T3. Chỉ số WQI đợt này có 13 vị trí cho nước đạt loại III (100-51) đủ điều kiện cấp cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, 7 vị trí cho nước đạt loại IV (50-26) đủ điều kiện cấp cho mục đích giao thông thủy.

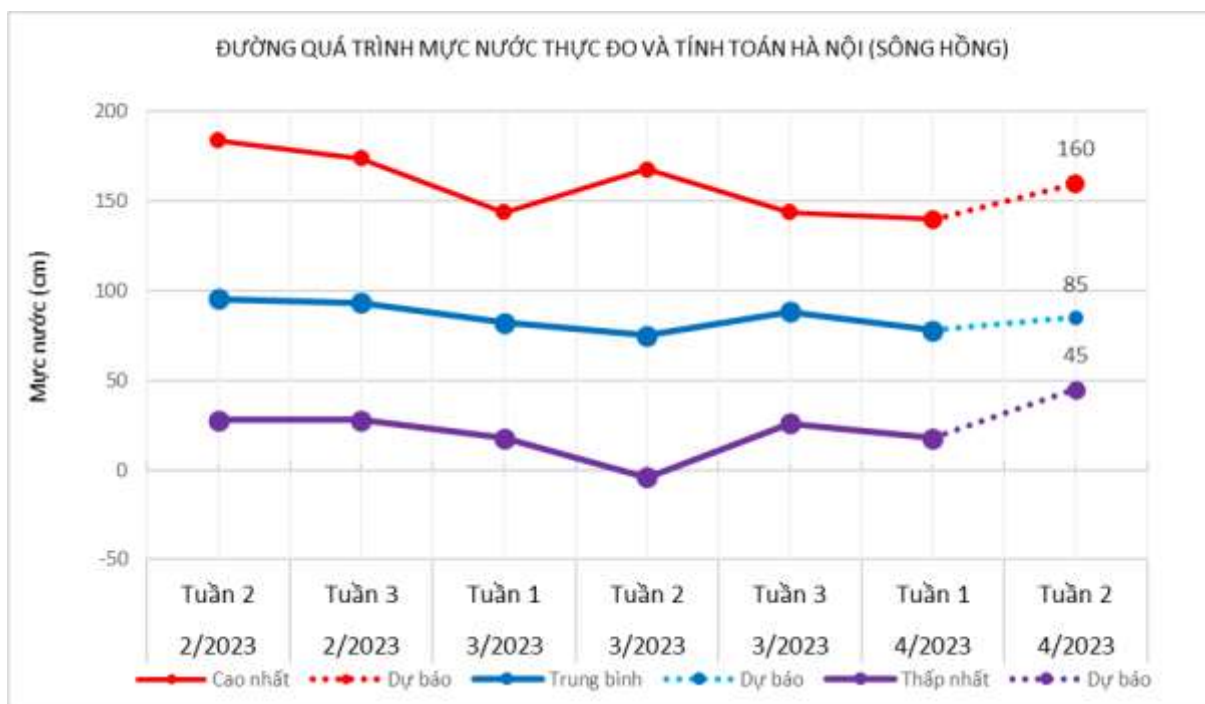
II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 12/04/2023 đến ngày 18/04/2023

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo lượng mưa tại Hà Nam từ 12 - 14 nhiều mây có mưa phùn và sương mù, ngày 15 nhiều mây có mưa dông, từ 16 - 17 có mây không mưa, ngày 18 nhiều mây có mưa phùn và sương mù.

Dự báo lượng mưa tại Nam Định từ 12 - 14 nhiều mây có mưa phùn và sương mù, ngày 15 nhiều mây có mưa dông, ngày 16 có mây không mưa, ngày 17 có mây có mưa rào, ngày 18 nhiều mây có mưa phùn và sương mù.

Trong 10 ngày qua, hạ lưu hệ thống sông Hồng tại Hà Nội biến đổi chậm. Trong 10 ngày tới, mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng sẽ tiếp tục biến đổi chậm.



2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Vị trí	DO								B1- QCVN 08- 2015
	Thực đo	Tuần dự báo							
		12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	
Cổng Như Trác	6,63	7,082	7,082	7,082	7,082	7,082	7,082	7,082	≥ 4
Cổng Hữu Bị	7,3	6,479	6,512	6,557	6,607	6,657	6,701	6,741	≥ 4
Cổng Cốc Thành	6,51	5,102	5,102	5,101	5,101	5,101	5,101	5,100	≥ 4
Cổng sông Chanh	5,07	5,392	5,393	5,393	5,393	5,393	5,393	5,393	≥ 4
Cổng Nhâm Tràng	4,32	5,359	5,399	5,428	5,446	5,457	5,465	5,470	≥ 4
Cổng Kinh Thanh	4,2	5,603	5,600	5,604	5,612	5,620	5,627	5,632	≥ 4
Cổng Cỏ Đam	5,82	5,364	5,407	5,442	5,469	5,489	5,504	5,516	≥ 4
Cổng Vĩnh Trị	4,85	5,695	5,704	5,711	5,716	5,721	5,725	5,728	≥ 4
Đầu kênh T3	5,27	5,128	5,124	5,119	5,116	5,113	5,111	5,110	≥ 4
Đầu kênh C9	4,62	5,932	6,058	6,149	6,225	6,297	6,366	6,433	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt	4,21	5,211	5,295	5,370	5,447	5,516	5,575	5,625	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)	4,47	4,168	4,225	4,288	4,357	4,426	4,493	4,554	≥ 4
Đầu kênh CG 16	4,81	4,650	4,650	4,650	4,650	4,650	4,650	4,650	≥ 4
Đập La Chợ	4,18	6,508	6,580	6,652	6,712	6,759	6,795	6,823	≥ 4
Đầu kênh S48	4,16	4,020	4,020	4,020	4,020	4,020	4,020	4,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)	5,09	4,896	4,935	4,952	4,961	4,967	4,970	4,973	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	4,3	5,382	5,459	5,540	5,614	5,677	5,728	5,769	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	4,76	5,164	5,473	5,752	5,962	6,114	6,224	6,306	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,18	5,212	5,197	5,190	5,187	5,185	5,183	5,182	≥ 4
Đầu kênh T6	4,28	5,105	5,104	5,103	5,102	5,102	5,101	5,101	≥ 4

NO₃⁻									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	
Cổng Như Trác	0,025	0,304	0,304	0,304	0,304	0,304	0,304	0,304	≤ 10
Cổng Hữu Bị	0,252	0,426	0,380	0,309	0,226	0,145	0,069	0,003	≤ 10
Cổng Cốc Thành	1,834	1,516	1,518	1,525	1,531	1,537	1,542	1,546	≤ 10
Cổng sông Chanh	1,510	1,300	1,320	1,342	1,360	1,376	1,388	1,398	≤ 10
Cổng Nhâm Tràng	0,938	1,015	0,941	0,886	0,852	0,831	0,817	0,808	≤ 10
Cổng Kinh Thanh	0,932	1,240	1,253	1,249	1,236	1,222	1,211	1,202	≤ 10
Cổng Cỏ Đam	0,756	1,276	1,197	1,132	1,082	1,045	1,018	0,996	≤ 10
Cổng Vĩnh Trị	0,297	0,745	0,738	0,750	0,766	0,776	0,780	0,781	≤ 10
Đầu kênh T3	0,965	1,463	1,542	1,633	1,713	1,780	1,837	1,885	≤ 10
Đầu kênh C9	7,808	6,589	6,366	6,207	6,072	5,944	5,820	5,699	≤ 10
Cầu đường 10 với sông Sắt	1,755	1,963	1,401	1,669	1,766	1,791	1,793	1,788	≤ 10
Đập An Bài (sông Châu Giang)	1,393	1,547	1,548	1,635	1,612	1,687	1,566	1,455	≤ 10
Đầu kênh CG 16	4,275	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	≤ 10
Đập La Chợ	0,092	0,112	0,287	0,162	0,158	0,177	0,114	0,166	≤ 10
Đầu kênh S48	3,985	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	≤ 10
Đập Vùa (CG12)	0,317	0,487	0,413	0,382	0,366	0,355	0,349	0,344	≤ 10
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	3,535	3,710	3,569	3,422	3,286	3,170	3,076	3,000	≤ 10
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	1,634	1,860	1,296	1,788	1,409	1,139	1,944	1,799	≤ 10
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	5,085	5,055	5,676	6,099	6,416	6,662	6,856	7,010	≤ 10
Đầu kênh T6	1,422	1,385	1,391	1,409	1,425	1,439	1,451	1,461	≤ 10

BOD₅									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	
Cống Như Trác	10,5	9,191	9,189	9,188	9,189	9,189	9,189	9,189	≤ 15
Cống Hữu Bị	11,6	13,217	13,036	12,738	12,380	12,018	12,684	12,388	≤ 15
Cống Cốc Thành	13,9	17,489	17,497	17,506	17,513	17,519	17,524	17,528	≤ 15
Cống sông Chanh	17,7	20,280	20,297	20,315	20,331	20,344	20,355	20,363	≤ 15
Cống Nhâm Tràng	20,5	15,961	15,694	15,498	15,378	15,304	15,256	15,222	≤ 15
Cống Kinh Thanh	23,7	20,694	20,768	20,766	20,728	20,682	20,643	20,612	≤ 15
Cống Cỏ Đam	21,7	20,923	20,715	20,512	20,348	20,220	20,120	20,039	≤ 15
Cống Vĩnh Trị	21,9	18,389	18,364	18,351	18,340	18,323	18,303	18,284	≤ 15
Đầu kênh T3	18,9	27,293	27,408	27,511	27,598	27,670	27,731	27,784	≤ 15
Đầu kênh C9	24,6	25,864	25,055	24,459	24,935	24,421	24,905	24,397	≤ 15
Cầu đường 10 với sông Sắt	25,4	21,704	21,619	21,382	21,022	21,655	21,326	21,042	≤ 15
Đập An Bài (sông Châu Giang)	27,9	28,276	28,887	28,430	28,919	28,389	28,872	28,391	≤ 15
Đầu kênh CG 16	32,9	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	36,900	≤ 15
Đập La Chợ	20,3	14,157	14,621	14,064	14,591	15,222	14,939	14,719	≤ 15
Đầu kênh S48	30,8	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700	37,700	≤ 15
Đập Vùa (CG12)	25,6	26,508	26,648	26,501	26,424	26,376	26,345	26,322	≤ 15
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	30,5	26,475	26,884	26,245	26,646	26,133	26,713	26,377	≤ 15
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	26,7	26,123	26,232	26,491	26,179	26,234	26,545	26,029	≤ 15
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	27,8	24,822	24,343	24,707	24,982	24,195	24,364	24,499	≤ 15
Đầu kênh T6	23,7	21,472	21,493	21,514	21,532	21,547	21,560	21,570	≤ 15

NH ₄ ⁺									B1- QCVN 08- 2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	18/04	
Cống Như Trác	0,500	0,107	0,107	0,107	0,107	0,107	0,107	0,107	≤ 0,9
Cống Hữu Bị	0,315	0,312	0,307	0,294	0,275	0,255	0,236	0,219	≤ 0,9
Cống Cốc Thành	0,185	1,561	1,562	1,564	1,565	1,566	1,568	1,568	≤ 0,9
Cống sông Chanh	0,160	0,796	0,799	0,803	0,806	0,809	0,811	0,813	≤ 0,9
Cống Nhâm Tràng	0,173	0,237	0,224	0,214	0,208	0,204	0,202	0,200	≤ 0,9
Cống Kinh Thanh	0,160	0,164	0,163	0,161	0,157	0,154	0,152	0,150	≤ 0,9
Cống Cỏ Đam	1,135	0,970	0,968	0,960	0,951	0,945	0,940	0,935	≤ 0,9
Cống Vĩnh Trị	1,273	0,498	0,498	0,499	0,502	0,504	0,505	0,505	≤ 0,9
Đầu kênh T3	0,403	1,361	1,381	1,402	1,420	1,435	1,448	1,459	≤ 0,9
Đầu kênh C9	1,868	1,670	1,616	1,578	1,546	1,514	1,482	1,450	≤ 0,9
Cầu đường 10 với sông Sắt	3,020	0,832	0,908	0,961	0,980	0,984	0,982	0,977	≤ 0,9
Đập An Bài (sông Châu Giang)	3,055	1,555	1,533	1,506	1,474	1,441	1,408	1,377	≤ 0,9
Đầu kênh CG 16	7,598	3,740	3,740	3,740	3,740	3,740	3,740	3,740	≤ 0,9
Đập La Chợ	2,568	1,328	1,298	1,265	1,235	1,212	1,195	1,181	≤ 0,9
Đầu kênh S48	2,093	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	1,300	≤ 0,9
Đập Vù (CG12)	2,205	1,129	1,103	1,092	1,087	1,083	1,081	1,080	≤ 0,9
Cầu Chủ (sông Châu Giang)	1,778	2,434	2,398	2,357	2,317	2,284	2,256	2,233	≤ 0,9
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	2,128	1,593	1,528	1,460	1,407	1,368	1,340	1,318	≤ 0,9
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	1,250	0,868	0,980	1,057	1,116	1,162	1,198	1,227	≤ 0,9
Đầu kênh T6	2,773	0,537	0,539	0,543	0,547	0,550	0,553	0,555	≤ 0,9

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Kết quả dự báo NO₃⁻ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT.

Các vị trí có hàm lượng BOD₅ trong kỳ dự báo đạt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Như Trác, Hữu Bị, La Chợ.

Kết quả dự báo NH₄⁺ trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ các vị trí Cốc Thành, Cỏ Đam, Đầu kênh T3, C9, Cầu đường 10, Đập An Bài, Đầu kênh CG 16, S48, La Chợ, Đập Vù, Cầu Chủ, Cầu Yên Trung, Đầu kênh C 19.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo nhiều hơn so với tuần 10.

2. Đề xuất

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống. Mở cống Hữu Bị lấy nước vào sông Châu Giang từ đó mở Đập An Bài lấy nước vào sông Sắt. Có thể mở các cống Như Trác, Vĩnh Trị để lấy nước vào nội đồng; Đối với Cốc Thành, Sông Chanh tùy mực nước có thể mở cống tiêu nước ra sông vào ban ngày và lấy nước tưới vào buổi tối.

3. Dự báo chung

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ giảm. Hàm lượng các thông số như BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻ sẽ có xu hướng giảm, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng tăng./.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI